

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-3-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

2/ Ông Nguyễn Văn Hón.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 52/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: 82 khu phố 5, thị trấn A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Hữu P, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: 82 khu phố 5, thị trấn A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2022, trong quá trình tố tụng chị Phan Thị Mỹ D trình bày:*

Chị và anh Trần Hữu P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri vào ngày 07/10/2020. Chị và anh P chung sống đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P uống rượu nhiều, chơi đá gà và không lo cho vợ con. Từ khi phát sinh mâu thuẫn vào tháng 9/2021 thì chị và

anh P sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị nhận thấy chị và anh P không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu xin ly hôn với anh P.

Chị và anh Trần Hữu P có 01 con chung tên: Trần Hữu L, sinh ngày 04/9/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung không có.

* Bị đơn anh Trần Hữu P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

** Tại Tòa:*

Nguyên đơn chị D trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh Trần Hữu P. Chị yêu cầu nuôi cháu Trần Hữu L, sinh ngày 04/9/2020, không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Tài sản, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục, thể hiện vô tư, khách quan. Đối với đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh P được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh P là phù hợp. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Phan Thị Mỹ D và anh Trần Hữu P có đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Tri vào năm 2020 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị D và anh P phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Anh P biết việc chị D yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con nhưng anh P không tham gia hòa giải, không có ý kiến phản bác yêu cầu của chị D. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đôi bên không có thiện chí hàn gắn. Về con chung, chị D yêu cầu nuôi cháu Trần Hữu L, sinh ngày 04/9/2020. Căn cứ, Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị D về việc yêu cầu ly hôn với anh P. Giao cháu Lộc cho chị D nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Anh Trần Hữu P được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ D và anh Trần Hữu P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Tri (Ba Tri-Bến Tre) vào ngày 07/10/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị D và anh P phát sinh mâu thuẫn nhưng đôi bên không

có thiện chí hàn gắn. Chị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh P; anh P đã được Toà án tổng đạt hợp lệ nhưng anh P vắng mặt không lý do, điều đó đồng nghĩa với việc anh P tự tước đi quyền phản bác ý kiến đòi với yêu cầu của chị D. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh P không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh P.

[2] Về con chung: Cháu Trần Hữu L, sinh ngày 04/9/2020 hiện do chị D nuôi dưỡng và chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu Lộc cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Phan Thị Mỹ D phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Mỹ D đối với anh Trần Hữu P.

2. Con chung: Chị Phan Thị Mỹ D nuôi cháu Trần Hữu L, sinh ngày 04/9/2020. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Hữu P có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Phan Thị Mỹ D phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003725 ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị D đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết t cĩ quyền n kĩng cĩ trong thờ i hạ n 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn cĩ quyền n kĩng cĩ trong thờ i hạ n 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Vân

Nguyễn Văn Hón

Trần Thị Hồng Hạnh

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND Thị trấn Ba Tri;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Hạnh